

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 像小李那样强壮，也吃不消这个活儿。

- A. 不消化 B. 不想干 C. 受不了 D. 不习惯

Câu 2: 别急，你听完再说，先别那么激动。

- A. 生气 B. 热情 C. 高兴 D. 感动

Câu 3: 家长的话，你总是左耳朵进，右耳朵出，你就是稍微听听也不至于如此啊！

- A. 不理解 B. 怀疑 C. 不接受 D. 听进去了

Câu 4: 二十几年前中国的普通家庭能有台电视机就已经算是很不错的了，目前在一般城市里，谁家没有一两台彩电呢？

- A. 今年 B. 从前 C. 将来 D. 当今

Câu 5: 在二十一世纪的今天，人人都应该懂得讲文明、讲礼貌的重要性。

- A. 议论 B. 解释 C. 重视 D. 说

Câu 6: 他这个人很细心，做起事来简直没治了，你们就一百个放心吧！

- A. 治不好了 B. 没希望 C. 非常好 D. 很严重

Câu 7: 记得去年校庆时，学校宣传部搞了一次“我爱母校”正文大赛。

- A. 举办 B. 拍摄 C. 宣传 D. 参加

Câu 8: 这所老房子从外面看并不起眼，却是鲁迅先生住过的地方，现在成了纪念馆。

- A. 很不好看 B. 非常普通 C. 很看不起 D. 不能不看

Câu 9: 他向来喜欢别人宠着他，听不进去不同的意见。

- A. 有时 B. 近来 C. 经常 D. 一向

Câu 10: 我来找你，没有什么要紧的事儿，只是聊聊罢了。

- A. 可是 B. 只好 C. 总是 D. 仅仅是

Câu 11: 这次妻子二话没说就答应让我给四川灾区捐款。

- A. 没有任何反对 B. 说得不清楚 C. 一直不肯说 D. 没说两句话

Câu 12: 这种药副作用大得很，吃多了会伤身的，你还是尽量少吃吧！

- A. 有利作用 B. 表面作用 C. 不好的作用 D. 本身的作用

Câu 13: 中文底子不好，学中医是很困难的。

- A. 基础 B. 能力 C. 成绩 D. 水平

Câu 14: 旧的教育体制下培养出来的学生容易缺乏个性和自我。

- A. 只为自己 B. 没有独立的想法 C. 忘了自己 D. 缺乏新思想

Câu 15: 你放心，新年的钟声一响他准给我们来电话。

- A. 马上 B. 肯定 C. 准备 D. 准时

Chọn thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 16: Phiên âm đúng của từ 空白 là: _____.

- A. kōngbai B. kòngbai C. kōngbái D. kòngbái

Câu 17: Phiên âm đúng của từ 胡同 là: _____.

- A. hútōng B. hùtong C. hútong D. hútóng

Câu 18: Phiên âm đúng của từ 盼望 là: _____.

- A. pānwāng B. pànwāng C. pānwàng D. pànwàng

Câu 19: Phiên âm đúng của từ 仿佛 là: _____.

- A. fāngfú B. fǎngfú C. fǎngfù D. fǎngfǔ

Chọn thanh mẫu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 20: Phiên âm đúng của từ 佩服 là: _____ èifú.

- A. p B. f C. b D. d

Câu 21: Phiên âm đúng của từ 产量 là: _____ ǎnliàng.

- A. c B. ch C. s D. sh

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 陆续 là: lù _____ ù.

- A. sh B. x C. c D. s

Chọn vận mẫu và thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống.

Câu 23: Phiên âm đúng của từ 贫乏 là: p _____ fá.

- A. íng B. án C. ín D. én

Câu 24: Phiên âm đúng của từ 浅薄 là: qiǎnb _____.

- A. áo B. ó C. uó D. á

Câu 25: Phiên âm đúng của từ 消耗 là: x _____ hào.

- A. iāo B. iēo C. āo D. iào

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau từ câu 26 đến câu 35.

我家住在北宁，爸爸是医生，妈妈是作家，一家三口人过着(26)_____的生活。

我的家庭很民主，每个家庭成员(27)_____年龄大小，谁说得对就听谁的。一次，我拿着字典纠正了妈妈的(28)_____字。妈妈立刻说：“你这个妈妈还是作家呢，写起字来竟这么(29)_____，真惭愧！”

我在班上算得上是学习挺好的，喜欢帮助同学，热爱劳动，应该说有不少(30)_____，老师也常常表扬我。但我有时也犯一些小(31)_____，对此，爸爸妈妈从不包庇，总是耐心地给我讲(32)_____。有一次，我和同学一起在一个学习不好的女同学本子上乱画。父母知道后十分(33)_____。爸爸说不能只看别人的短处，也要看别人的长处，欺负弱者是可耻的。听了爸爸的(34)_____，我十分后悔地哭了。第二天，我买了新本子送给那个女同学，并(35)_____道了歉，请她原谅。从那以后我再也不欺负别人了。

我生活在一个很普通但却很幸福的家庭里，父母都很爱我。我要好好努力，长大做一个诚实、健康、对社会有用的人。

Câu 26: A. 兴奋 B. 乐观 C. 快乐 D. 高兴

Câu 27: A. 即使 B. 虽然 C. 不论 D. 只要

Câu 28: A. 差 B. 坏 C. 错 D. 误

Câu 29: A. 弱点 B. 好看 C. 毛病 D. 马虎

- Câu 30:** A. 优势 B. 优点 C. 优秀 D. 优美
Câu 31: A. 错误 B. 问题 C. 缺点 D. 不对
Câu 32: A. 理由 B. 道理 C. 理论 D. 真
Câu 33: A. 生气 B. 反对 C. 感动 D. 讨厌
Câu 34: A. 批判 B. 评论 C. 批评 D. 评价
Câu 35: A. 当时 B. 当地 C. 当然 D. 当面

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 36:** 现在全家人一起学汉语的越来越多，拿我的朋友来说，他们家连70岁的奶奶也学起汉语来了。
A. 副词 B. 连词 C. 动词 D. 介词
Câu 37: 黎老师教育孩子自己的事情自己做。
A. 连词 B. 代词 C. 名词 D. 助词
Câu 38: 今天太热了，把窗户打开，凉快凉快吧！
A. 名词 B. 动词 C. 形容词 D. 副词
Câu 39: 今天出门时，我碰上了一起一起交通事故。
A. 动词 B. 副词 C. 名词 D. 量词
Câu 40: 每个人要都能奉献一点儿爱，世界就将会变成美好的人间。
A. 连词 B. 名词 C. 副词 D. 动词

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 41:** 桂林我A去过一次，B有机会的话，C想再D去一次。 (才)
Câu 42: A我B也不知道他C为什么D这样对待我。 (究竟)
Câu 43: 他A比我B走C了D五分钟,可晚到了十分钟。 (早)
Câu 44: 这两个A小孩，一个B十岁，另一个年纪小C才五岁D。 (的)
Câu 45: 大家A都以为B他会看中青青，C可他D和小玲好上了。 (偏)
Câu 46: 我们A要求对方B提供C更详细的资料,可是对方一直D没有回音。 (再三)
Câu 47: 只学习A知识,而不经B实践锻炼，C是适应不了现代社会D的。 (书本)
Câu 48: A今天所讨论的这些问题B比上次的C更D复杂。 (不会)
Câu 49: 孩子A想B跟我的同事们一起C去百货公司D买东西。 (要)
Câu 50: 今年A几个城市B过年的C气氛像北京D那么热闹。 (没有)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

- Câu 51:** 他舍己救人的精神深深地打动了，我，_____。
A. 根据了他的事迹于是我写一篇小说 B. 于是我写一篇小说了根据他的事迹
C. 我写一篇小说于是根据他的事迹了 D. 于是我根据他的事迹写了一篇小说
Câu 52: 这种说法_____没有科学根据，不过总还有点儿道理。
A. 即使 B. 难免 C. 固然 D. 只要
Câu 53: 虽然我怀疑是他偷了钱，但_____没有证据，所以暂时还不能把他怎么样。
A. 终于 B. 然后 C. 到底 D. 毕竟
Câu 54: 随着绿化面积的不断增多，_____。
A. 逐步得到改善已城市环境质量 B. 城市环境质量已逐步得到改善
C. 城市质量环境已得到逐步改善 D. 得到城市环境质量已逐步改善

- Câu 55:** 在我们饭店, 不允许服务员_____客人要小费。
A. 从 B. 对 C. 向 D. 往
- Câu 56:** 他们不习惯这里的生活, 我们_____。
A. 要尽量给他们提供方便 B. 尽量提供方便要给他们
C. 尽量提供要方便给他们 D. 要提供方便尽量给他们
- Câu 57:** 前天我在外文书店买了_____商务刚刚出版的书。
A. 十本来 B. 十多本 C. 十本多 D. 十本几
- Câu 58:** 我们班长能写一_____很漂亮的钢笔字。
A. 把 B. 口 C. 张 D. 手
- Câu 59:** _____没有那么多热心人的支持与鼓励, _____不会有今天的我。
A. 如果……就…… B. 因为……所以……
C. 无论……也…… D. 虽然……却……
- Câu 60:** 我只知道他是北大的教授, _____他研究什么, 我就不清楚了。
A. 至少 B. 假如 C. 至于 D. 尽管
- Câu 61:** 我戴上新眼镜向四周望望, 这个世界_____变得清楚起来了。
A. 有点儿 B. 一次 C. 一点儿 D. 一下子
- Câu 62:** 我以为走这条路近一点儿, 没想到_____更远。
A. 反而 B. 但是 C. 而且 D. 从而
- Câu 63:** 她真是个能干的人, _____能管理工厂, _____能料理家务。
A. 或者……或者…… B. 除了……都……
C. 不是……就是…… D. 既……又……
- Câu 64:** 在不久的将来, 越南人将可以收看到数十套_____上百套电视节目。
A. 甚至 B. 更 C. 而且 D. 或者
- Câu 65:** 专家做_____的调查表明, 越来越多的人喜欢晚婚晚育。
A. 了 B. 着 C. 过 D. 得
- Câu 66:** 他大老远地来到北京, _____你不去看他, _____也该打个电话问候一下儿吧!
A. 只有……才…… B. 即使……至少……
C. 果然……就…… D. 因为……所以……
- Câu 67:** 别人叫她阿姨, 她_____很不高兴。
A. 搞得 B. 显得 C. 干得 D. 弄得
- Câu 68:** 晓明在周末的时候参加了一个书法学习班, _____了自己的业余生活。
A. 丰富 B. 很增加 C. 增加 D. 很丰富
- Câu 69:** 他挑选了半天, _____。
A. 也没买到一件毛衣喜欢的 B. 也没买到一件喜欢的毛衣
C. 没买到一件毛衣也喜欢的 D. 也不买到一件喜欢的毛衣
- Câu 70:** 《兄弟》这部小说_____卖得快, _____内容很好。
A. 是因为……之所以…… B. 因为……所以……
C. 由于……所以…… D. 之所以……是因为……
- Câu 71:** 听说我们非常希望他回母校讲课, 他很_____地接受了我们的邀请。
A. 高兴 B. 高高兴兴 C. 高高兴兴 D. 高兴高兴
- Câu 72:** 阮经理心理上的压力是_____紧张的工作而造成的。
A. 于 B. 由 C. 为 D. 为了
- Câu 73:** 学生们正在谈论_____的情况。
A. 这次运动会夺取金牌在他们班上 B. 他们班在这次运动会上夺取金牌
C. 他们班上夺取金牌在这次运动会 D. 他们班夺取金牌在这次运动会上

- Câu 74:** 你_____已经开始做了, 那_____把它做到底吧!
A. 即使……也…… B. 不但……而且……
C. 既然……就…… D. 既……又……
- Câu 75:** _____是你自己错了, 为什么就不能说一声“对不起”呢?
A. 明白 B. 是否 C. 明明 D. 明确
- Câu 76:** 事情来得太_____, 她一点儿心理准备都没有。
A. 忽然 B. 猛然 C. 突然 D. 居然
- Câu 77:** 警察把丢失的孩子送回了家, 父母_____得流下了眼泪。
A. 感谢 B. 激烈 C. 动人 D. 感激
- Câu 78:** 老师有事没来, 今天的语文课没有_____。
A. 上好 B. 成功 C. 上去 D. 上成
- Câu 79:** 当你的朋友遇到困难时, 你应该_____帮助他。
A. 伸出手来 B. 出来伸手 C. 伸手出来 D. 伸出来手
- Câu 80:** 妈妈辛辛苦苦地工作, _____给我们姐妹提供一个较好的环境。
A. 所以 B. 因为 C. 以致 D. 为的是

----- HẾT -----